

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm công tác xây dựng
văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
KHÓA X, NHIỆM KỲ 2021 - 2026, KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 34/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

Xét Tờ trình số 210/TTr-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra số 329/BC-HĐND ngày 12/12/2022 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức phân bổ kinh phí và công tác lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, gồm: cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan thẩm định, cơ quan thẩm tra và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Điều 2. Định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

1. Đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân thành phố do các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố hoặc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố trình:

a) Đối với nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố ban hành mới hoặc thay thế: 30.000.000 đồng/văn bản.

b) Đối với nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung: 24.000.000 đồng/văn bản.

c) Đối với nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố bãi bỏ: 15.000.000 đồng/văn bản.

d) Việc phân bổ kinh phí cụ thể cho các cơ quan, đơn vị tham gia công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này, giao Thường trực HĐND thành phố quyết định cho phù hợp.

2. Đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân thành phố quy định tại khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 do Ủy ban nhân dân thành phố trình:

a) Đối với nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố ban hành mới hoặc thay thế: 30.000.000 đồng/văn bản, trong đó:

- Phân bổ kinh phí cho cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản với mức như sau: 22.800.000 đồng/văn bản;

- Phân bổ kinh phí cho Sở Tư pháp với mức như sau:

+ Thực hiện các hoạt động thẩm định đề nghị xây dựng văn bản với mức: 2.000.000 đồng/văn bản;

+ Thực hiện các hoạt động thẩm định dự thảo văn bản với mức: 1.000.000 đồng/văn bản;

- Phân bổ kinh phí cho Ban của Hội đồng nhân dân với mức như sau:

+ Thực hiện các hoạt động thẩm tra đề nghị xây dựng văn bản với mức: 1.700.000 đồng/văn bản;

+ Thực hiện các hoạt động thẩm tra dự thảo văn bản với mức: 1.000.000 đồng/văn bản;

- Phân bổ kinh phí cho Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố với mức như sau:

+ Thực hiện góp ý đề nghị xây dựng văn bản, phối hợp với cơ quan soạn thảo chính lý, hoàn thiện, trình hồ sơ đề nghị xây dựng văn bản với mức: 1.000.000 đồng/văn bản;

+ Thực hiện góp ý dự thảo văn bản, phối hợp với cơ quan soạn thảo chính lý, hoàn thiện, trình hồ sơ dự thảo văn bản với mức: 500.000 đồng/văn bản.

b) Đối với nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung: 24.000.000 đồng/văn bản, trong đó:

- Phân bổ kinh phí cho cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản với mức như sau: 17.800.000 đồng/văn bản;

- Phân bổ kinh phí cho Sở Tư pháp với mức như sau:

+ Thực hiện các hoạt động thẩm định đề nghị xây dựng văn bản với mức: 2.000.000 đồng/văn bản;

+ Thực hiện các hoạt động thẩm định dự thảo văn bản với mức: 750.000 đồng/văn bản;

- Phân bổ kinh phí cho Ban của Hội đồng nhân dân với mức như sau:

+ Thực hiện các hoạt động thẩm tra đề nghị xây dựng văn bản với mức: 1.700.000 đồng/văn bản;

+ Thực hiện các hoạt động thẩm tra dự thảo văn bản với mức: 750.000 đồng/văn bản;

- Phân bổ kinh phí cho Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố với mức như sau:

+ Thực hiện góp ý đề nghị xây dựng văn bản, phối hợp với cơ quan soạn thảo chỉnh lý, hoàn thiện, trình hồ sơ đề nghị xây dựng văn bản với mức: 500.000 đồng/văn bản;

+ Thực hiện góp ý dự thảo văn bản, phối hợp với cơ quan soạn thảo chỉnh lý, hoàn thiện, trình hồ sơ dự thảo văn bản với mức: 500.000 đồng/văn bản.

c) Đối với nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố bãi bỏ: 15.000.000 đồng/văn bản, trong đó:

- Phân bổ kinh phí cho cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản với mức như sau: 13.000.000 đồng/văn bản;

- Phân bổ kinh phí thẩm định dự thảo văn bản cho Sở Tư pháp với mức như sau: 750.000 đồng/văn bản;

- Phân bổ kinh phí thẩm tra cho Ban của Hội đồng nhân dân với mức: 750.000 đồng/văn bản;

- Phân bổ kinh phí cho Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện góp ý dự thảo văn bản, phối hợp với cơ quan soạn thảo chỉnh lý, hoàn thiện, trình hồ sơ dự thảo văn bản với mức: 500.000 đồng/văn bản.

3. Đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân thành phố quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 do Ủy ban nhân dân thành phố trình:

a) Đối với nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố ban hành mới hoặc thay thế: 24.000.000 đồng/văn bản, trong đó:

- Phân bổ kinh phí cho cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản với mức như sau: 20.500.000 đồng/văn bản;

- Phân bổ kinh phí thẩm định dự thảo văn bản cho Sở Tư pháp với mức: 1.250.000 đồng/văn bản;

- Phân bổ kinh phí thẩm tra dự thảo văn bản cho Ban của Hội đồng nhân dân với mức: 750.000 đồng/văn bản;
 - Phân bổ kinh phí cho Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện góp ý dự thảo văn bản, phối hợp với cơ quan soạn thảo chính lý, hoàn thiện, trình hồ sơ dự thảo văn bản với mức: 1.500.000 đồng/văn bản.
- b) Đối với nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung: 19.200.000 đồng/văn bản, trong đó:
- Phân bổ kinh phí cho cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản với mức như sau: 16.700.000 đồng/văn bản;
 - Phân bổ kinh phí thẩm định dự thảo văn bản cho Sở Tư pháp với mức: 750.000 đồng/văn bản;
 - Phân bổ kinh phí thẩm tra dự thảo văn bản cho Ban của Hội đồng nhân dân với mức: 750.000 đồng/văn bản;
 - Phân bổ kinh phí cho Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện góp ý dự thảo văn bản, phối hợp với cơ quan soạn thảo chính lý, hoàn thiện, trình hồ sơ dự thảo văn bản với mức: 1.000.000 đồng/văn bản.
- c) Đối với nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố bãi bỏ: 12.000.000 đồng/văn bản, trong đó:
- Phân bổ kinh phí cho cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản với mức như sau: 10.000.000 đồng/văn bản;
 - Phân bổ kinh phí thẩm định dự thảo văn bản cho Sở Tư pháp với mức: 750.000 đồng/văn bản;
 - Phân bổ kinh phí thẩm tra cho Ban của Hội đồng nhân dân với mức: 750.000 đồng/văn bản;
 - Phân bổ kinh phí cho Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện góp ý dự thảo văn bản, phối hợp với cơ quan soạn thảo chính lý, hoàn thiện, trình hồ sơ dự thảo văn bản với mức: 500.000 đồng/văn bản.
4. Đối với văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố:
- a) Đối với quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành mới hoặc thay thế: 20.000.000 đồng/văn bản, trong đó:
- Phân bổ kinh phí cho cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản với mức như sau: 16.500.000 đồng/văn bản;
 - Phân bổ kinh phí thẩm định dự thảo văn bản cho Sở Tư pháp với mức: 2.000.000 đồng/văn bản;

- Phân bổ kinh phí cho Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện góp ý dự thảo văn bản, phối hợp với cơ quan soạn thảo chính lý, hoàn thiện, trình hồ sơ dự thảo văn bản với mức: 1.500.000 đồng/văn bản.

b) Đối với quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung: 16.000.000 đồng/văn bản, trong đó:

- Phân bổ kinh phí cho cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản với mức như sau: 13.500.000 đồng/văn bản;

- Phân bổ kinh phí thẩm định dự thảo văn bản cho Sở Tư pháp với mức: 1.500.000 đồng/văn bản;

- Phân bổ kinh phí cho Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện góp ý dự thảo văn bản, phối hợp với cơ quan soạn thảo chính lý, hoàn thiện, trình hồ sơ dự thảo văn bản với mức: 1.000.000 đồng/văn bản.

c) Đối với quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố bãi bỏ: 10.000.000 đồng/văn bản, trong đó:

- Phân bổ kinh phí cho cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản với mức như sau: 8.500.000 đồng/văn bản;

- Phân bổ kinh phí thẩm định dự thảo văn bản cho Sở Tư pháp với mức: 1.000.000 đồng/văn bản;

- Phân bổ kinh phí cho Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện góp ý dự thảo văn bản, phối hợp với cơ quan soạn thảo chính lý, hoàn thiện, trình hồ sơ dự thảo văn bản với mức: 500.000 đồng/văn bản.

5. Đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận, huyện, phường, xã:

a) Đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân huyện:

- Văn bản ban hành mới hoặc thay thế: 15.000.000 đồng/văn bản;

- Văn bản sửa đổi, bổ sung: 12.000.000 đồng/văn bản;

- Văn bản bãi bỏ: 7.500.000 đồng/văn bản.

b) Đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân xã:

- Văn bản ban hành mới hoặc thay thế: 10.000.000 đồng/văn bản;

- Văn bản sửa đổi, bổ sung: 8.000.000 đồng/văn bản;

- Văn bản bãi bỏ: 5.000.000 đồng/văn bản.

c) Đối với văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân quận, huyện:

- Văn bản ban hành mới hoặc thay thế: 10.000.000 đồng/văn bản;

- Văn bản sửa đổi, bổ sung: 8.000.000 đồng/văn bản;

- Văn bản bãi bỏ: 5.000.000 đồng/văn bản.

d) Đối với văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân xã:

- Văn bản ban hành mới hoặc thay thế: 8.000.000 đồng/văn bản;

- Văn bản sửa đổi, bổ sung: 6.400.000 đồng/văn bản;

- Văn bản bãi bỏ: 4.000.000 đồng/văn bản.

Điều 3. Lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản và hoàn thiện hệ thống pháp luật

1. Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quyết định thực hiện chi tiêu cho các nội dung công việc với mức chi phù hợp trong tổng kinh phí được phân bổ tại Nghị quyết này để thực hiện nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp. Mức chi cho từng hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ bằng với mức chi cho hoạt động tương ứng trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung theo quy định.

2. Việc lập dự toán, phân bổ, thanh toán và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn.

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định ban hành văn bản quy phạm pháp luật, chứng từ thanh toán được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 338/2016/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 1 Thông tư số 42/2022/TT-BTC).

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định không ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã xây dựng xong hoặc dừng lại không xây dựng tiếp thì các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện công tác xây dựng văn bản thanh, quyết toán phần kinh phí đã thực hiện trên cơ sở chứng từ chi tiêu hợp pháp theo quy định.

Điều 4. Nguồn kinh phí bảo đảm thực hiện

Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng do ngân sách nhà nước bảo đảm và được tổng hợp chung vào dự toán ngân sách chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định của pháp luật về phân cấp ngân sách.

Điều 5. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 123/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

3. Quy định chuyển tiếp

Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trong năm 2022 được sử dụng từ định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 của các cơ quan, đơn vị theo quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 15 tháng 12 năm 2022./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội; Chính phủ; VP Chủ tịch nước;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Các cơ quan tham mưu giúp việc của Thành ủy;
- Đại biểu HĐND TP, Đoàn ĐBQH TP;
- UBND, UBMTTQVN thành phố;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- Các quận ủy, huyện ủy; HĐND huyện Hòa Vang; UBND, UBMTTQVN các quận, huyện; HĐND xã, UBND các phường, xã;
- Báo Đà Nẵng, Chuyên đề Công an thành phố ĐN, Đài PT-TH ĐN, Trung tâm THVN (VTV8), Công TTĐT thành phố Đà Nẵng;
- Lưu: VT, CTHĐ. *vt*



CHỦ TỊCH

Lương Nguyễn Minh Triết